

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LÂM HÀ
TỈNH LÂM ĐỒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 46/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 10/7/2024

V/v “Không công nhận là vợ chồng”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LÂM HÀ, TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Trung Kiên.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Trần Thị Hằng
- Ông Nguyễn Xuân Trường

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Rung K'Tuấn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Lịch - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 77/2024/TLST-HNGĐ ngày 19/3/2024 về “Không công nhận là vợ chồng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 47/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 6 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông **Đỗ Văn C**. Sinh năm: 1966.

Địa chỉ: **thôn A, xã T, huyện L, tỉnh Lâm Đồng**.

2. Bị đơn: Bà **Bùi Thị L**. Sinh năm: 1968.

Địa chỉ: **thôn A, xã T, huyện L, tỉnh Lâm Đồng**.

(Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa và đều có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai ông **Đỗ Văn C** trình bày:

Ông và bà **L** xây dựng gia đình với nhau năm 1989, khi về chung sống thì hai bên có làm mấy mâm cơm theo phong tục địa phương nhưng không đăng ký kết hôn. Ông, bà chung sống với nhau hòa thuận năm 2019 thì nảy sinh mâu

thuần, vợ chồng xích mích, bất hòa. Hai bên đã nhiều lần giải hòa nhưng không thành. Ông và bà **L** đã sống ly thân từ năm 2019 đến nay. Nay ông xác định không thể tiếp tục chung sống vợ chồng với bà **L**, ông đề nghị Tòa án giải quyết không công nhận ông và bà **L** là vợ chồng.

Về con chung: Ông xác định ông và bà **L** có 02 con chung là **Đỗ Văn C1**, sinh năm 1991 và **Đỗ Thị N**, sinh năm 1994. Hiện nay các con đã trên 18 tuổi, khỏe mạnh và phát triển bình thường nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ông xác định không có.

Ngoài ra, ông **Đỗ Văn C** không có yêu cầu gì khác.

*Tại biên bản lấy lời khai đương sự, bị đơn bà **Bùi Thị L** trình bày:*

Bà và ông **Đỗ Văn C** xây dựng gia đình với nhau năm 1990, trên cơ sở tự nguyện, có làm mấy mâm cơm ra mắt hai bên gia đình tại **xã N, huyện L, tỉnh Hà Nam** nhưng không đăng ký kết hôn. Thời gian đầu bà và ông **C** chung sống vợ chồng tại **Xóm C Đ, xã N, huyện L, tỉnh Hà Nam**. Đến năm 1993 thì vợ chồng chuyển vào lập nghiệp tại **xã T, huyện L, tỉnh Lâm Đồng** và sinh sống, làm ăn tại **xã T, huyện L, tỉnh Lâm Đồng** từ đó đến nay. Cuộc sống chung vợ chồng phát sinh mâu thuẫn từ năm 2019. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp nhau, không thông cảm chia sẻ với nhau trong cuộc sống sinh hoạt hàng ngày, ông **C** lại phát sinh tình cảm với người phụ nữ khác nên dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng càng ngày càng trầm trọng hơn. Vì con cái nên hai bên đã nhẫn nhịn chịu đựng để cùng nhau chung sống nhưng theo thời gian mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Nay, ông **C** yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận bà và ông **C** là vợ chồng thì bà cũng đồng ý.

Về con chung: Bà và ông **C** có 02 con chung là **Đỗ Văn C1**, sinh năm 1991 và **Đỗ Thị N**, sinh năm 1994. Hiện nay các con đã đủ tuổi trưởng thành và phát triển bình thường, đã lập gia đình ở riêng nên bà không có yêu cầu gì.

Về tài sản chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà và ông **C** không có nợ chung nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết

Ngoài ra, bà **L** không có yêu cầu nào khác.

Tại phiên tòa:

Các đương sự đều vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Hà tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký, của Hội đồng xét xử; sự chấp hành pháp luật tố tụng của các đương sự. Đồng thời, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 14, 15, khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và

gia đình năm 2014, chấp nhận đơn khởi kiện của ông **Đỗ Văn C**, giải quyết không công nhận ông **Đỗ Văn C** và bà **Bùi Thị L** là vợ chồng. Về án phí: ông **Đỗ Văn C** phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm về việc không công nhận là vợ chồng theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Hà tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn ông **Đỗ Văn C** và bị đơn bà **Bùi Thị L** vắng mặt tại phiên tòa và đều có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt nên cần căn cứ khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự theo thủ tục chung là phù hợp.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ông **C** và bà **L** chung sống vợ chồng với nhau vào năm 1989, trên cơ sở tự nguyện. Các bên đều khai nhận vợ chồng không có đăng ký kết hôn. Đây là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hơn nữa, quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh việc đăng ký kết hôn của vợ chồng ông **C**, bà **L** tại UBND xã **T**, huyện **L**, tỉnh Lâm Đồng. Kết quả xác minh ông **C**, bà **L** không đăng ký kết tại UBND xã **T**. Do vậy, có đủ căn cứ xác định ông **C** và bà **L** chung sống vợ chồng từ năm 1989 nhưng không có đăng ký kết hôn. Do hôn nhân của ông **C** và bà **L** xác lập sau ngày 03/01/1987 (Ngày Luật hôn nhân và gia đình năm 1986 có hiệu lực thi hành) nhưng các bên không đăng ký kết hôn. Nay do mâu thuẫn phát sinh ông **C** yêu cầu giải quyết chấm dứt quan hệ hôn nhân với bà **L**. Tòa án đã vận động tuy nhiên ông **C** không đồng ý rút đơn khởi kiện. Tại phiên tòa, các đương sự đều vắng mặt nhưng quá trình làm việc tại Tòa án ông **C** xác định không thể tiếp tục chung sống vợ chồng nên đề nghị Tòa án giải quyết chấm dứt quan hệ vợ chồng theo quy định của pháp luật, còn tại biên bản lấy lời khai bà **L** cũng đồng ý theo yêu cầu của ông **C** nên cần căn cứ khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận đơn khởi kiện của ông **C**, tuyên bố không công nhận ông **C**, bà **L** là vợ chồng là phù hợp.

[3] Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng, ông **C** và bà **L** có 02 con chung là **Đỗ Văn C1**, sinh năm 1991 và **Đỗ Thị N**, sinh năm 1994. Hiện nay, các con chung của ông **C**, bà **L** đều đã trên 18 tuổi, ông **C**, bà **L** đều xác định các con khỏe mạnh và phát triển bình thường và không yêu cầu gì nên Tòa án không đặt ra để giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Ông **C**, bà **L** đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập.

[5] *Về nợ chung*: Các đương sự đều xác định không có nợ chung nên không xem xét, giải quyết.

[6] *Về án phí*: Ông **C** phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 203; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 235; Điều 266 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ khoản 1 Điều 14; khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

X:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của ông **Đỗ Văn C**, tuyên bố không công nhận ông **Đỗ Văn C** và bà **Bùi Thị L** là vợ chồng.

2. Về án phí: Ông **Đỗ Văn C** phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) ông **Đỗ Văn C** đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004546 ngày 19/3/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lâm Hà. Ông **Đỗ Văn C** đã nộp đủ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Ông **C**, bà **L** có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng (02);
- VKSND huyện Lâm Hà;
- Chi cục THADS huyện Lâm Hà;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Trung Kiên

